

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100511368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 1996, thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26 tháng 01 năm 2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: ~~..A39/QĐ-SGDHN~~ do ~~HXX~~ cấp ngày ~~16~~ tháng ~~07~~ năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0240 222 6669

Fax: 0240 222 6669

Website: <http://acuonggroup.vn>

Email: tapdoanacuong@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.38181 888

Fax: 04.38181 888

Website : <https://www.shs.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: VŨ THỊ THU HIỀN

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Điện thoại: 098 440 3388

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100511368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 1996, thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26 tháng 01 năm 2015)



ACUONG MINERAL GROUP

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	51.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	510.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ : Tầng 4, số 168 Đường Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại : (04) 35 770 781

Fax: (04) 3577 0787

Email : vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ : Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.38181 888

Fax: 04.38181 888

Website : <https://www.shs.com.vn>

MỤC LỤC

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN.....	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro lãi suất, tỷ giá	2
3. Rủi ro về luật pháp.....	3
4. Rủi ro đặc thù.....	3
5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán.....	4
6. Rủi ro khác.....	4
PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức niêm yết	6
2. Tổ chức tư vấn.....	6
PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	7
PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	9
1.2. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	9
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	10
1.4. Quá trình tăng vốn	11
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý	14
3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	14
3.2. Diễn giải sơ đồ	15
3.3. Chức năng các phòng ban:	17
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan ; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	20
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan.....	20
4.2. Danh sách cổ đông sáng lập	20
4.3. Cơ cấu cổ đông.....	21

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.	21
5.1. <i>Danh sách công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường</i>	21
5.2. <i>Danh sách những công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường</i>	21
5.3. <i>Danh sách những công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường</i>	21
6. Hoạt động kinh doanh	21
6.1. <i>Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm</i>	21
6.2. <i>Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường qua các năm</i>	24
6.3. <i>Nguyên vật liệu</i>	26
6.4. <i>Cơ cấu chi phí</i>	29
6.5. <i>Trình độ công nghệ</i>	30
6.6. <i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới</i>	33
6.7. <i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ</i>	34
6.8. <i>Hoạt động marketing</i>	34
6.9. <i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i>	35
6.10. <i>Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện</i>	36
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014.....	37
7.1. <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014</i>	37
7.2. <i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i>	38
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	39
8.1. <i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	39
8.2. <i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	40
8.3. <i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới</i>	41
9. Chính sách đối với người lao động	42
9.1. <i>Số lượng lao động trong công ty</i>	42
9.2. <i>Chính sách đào tạo, lương thưởng</i>	43
9.3. <i>Chế độ làm việc</i>	43
10. Chính sách cổ tức.....	45
11. Tình hình hoạt động tài chính	46

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	46
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	52
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	53
12.1. Hội đồng Quản trị	54
12.2. Ban Tổng Giám đốc.....	59
12.3. Ban Kiểm soát	59
12.4. Kế toán trưởng	62
13. Tài sản	62
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	63
14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2017	63
14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	64
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	68
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	68
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.	68
PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	69
1. Loại cổ phiếu.....	69
2. Mệnh giá	69
3. Mã chứng khoán	69
4. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	69
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	69
6. Phương pháp tính giá	70
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	71
8. Các loại thuế có liên quan	72
PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	73
PHẦN VII. PHỤ LỤC	74

PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

❖ *Rủi ro tăng trưởng kinh tế*

Kinh tế Việt Nam năm 2014 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, các nền kinh tế dần hồi phục sau khủng hoảng. Kinh tế Việt Nam đã có nhiều điểm sáng, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định tốt hơn. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng 5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm.¹

Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2014 ước tính tăng 7,6% so với năm 2013, cao hơn nhiều mức tăng 5,9% của năm 2013. Trong mức tăng chung cả năm của toàn ngành công nghiệp, ngành khai khoáng tăng 2,5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 8,7%, cao hơn mức tăng 7,3% của năm 2013.

Kinh tế - xã hội Việt Nam 3 tháng đầu năm 2015 diễn ra trong bối cảnh trong và ngoài nước có những yếu tố thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức. Sản xuất kinh doanh nhìn chung thuận lợi do giá dầu giảm mạnh nên không chịu nhiều sức ép về chi phí đầu vào.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

❖ *Rủi ro lạm phát*

^{1, 2} Theo số liệu thông cáo báo chí của Tổng cục thống kê năm 2014

CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây. Mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ tiếp tục được thực hiện thành công, góp phần quan trọng giúp các doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, kích thích tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2015 giảm 0,1% so với tháng 12/2014 và tăng 0,93% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I năm nay tăng 0,74% so với bình quân cùng kỳ năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây². Lạm phát cả năm 2015 được dự báo sẽ tiếp tục có mức tăng thấp nhưng vẫn có một số nhân tố có thể gây lạm phát khó lường như tín dụng tăng trưởng cao hơn, gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp về cả mặt bằng đầu vào và đầu ra cũng như các hoạch định chiến lược của doanh nghiệp.

2. Rủi ro lãi suất, tỷ giá

Lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính vì thế, khi lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Theo Ủy ban Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia nhận định, áp lực suy giảm năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng đã giảm bớt: chênh lệch lãi suất cho vay - huy động (NIM) đã ổn định sau khi giảm mạnh trong giai đoạn 2011-2013. Cụ thể, NIM giảm từ 3,5% (năm 2011) xuống 3,2% (năm 2012) và 2,8% (năm 2013) và được duy trì ổn định trong năm 2014. Đây là tỷ lệ phản ánh phần lãi suất mà các tổ chức thu được trong cho vay.³

Lãi suất cho vay hiện đã ở mức thấp, các khoản vay kinh doanh thông thường ngắn và dài hạn nhìn chung hiện dao động quanh mức 10%. Đây là 1 yếu tố tích cực cho doanh nghiệp vay vốn mở rộng kinh doanh sản xuất, còn cá nhân vay mua sắm

² Theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê (<http://gso.gov.vn>)

³ Theo thông cáo báo chí của Ủy Ban Giám sát tài chính Quốc gia năm 2014

hàng hóa lâu bền, mua và đầu tư bất động sản. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa tín dụng sẽ được giải ngân ồ ạt. Hiện các ngân hàng vẫn khá thận trọng trong việc cấp phép tín dụng khi mà nỗi lo nợ xấu vẫn còn, mặc dù tín dụng giải ngân chậm.

3. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro ngành

Ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản...có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra những biến động của thời tiết xảy ra khó báo trước cũng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro về lĩnh vực hoạt động**

Về giấy phép khai thác mỏ: thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về tiến độ dự án: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng khoáng sản khai thác được trong các năm tới và tiến độ thi công các dự án. Do đó, nếu có yếu tố tự nhiên nào làm sản lượng khai thác thực tế thấp hơn sản lượng dự báo hoặc yếu tố về vốn huy động để triển khai các dự án thì cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế – chính trị – xã hội, yếu tố tâm lý của người đầu tư,.... Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động. Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

6. Rủi ro khác

Năm 2015 Công ty thực hiện tăng vốn từ 120 tỷ đồng lên 510 tỷ đồng trong đó có 150 tỷ đồng góp vốn bằng tiền và 240 tỷ đồng góp vốn bằng tài sản. Việc góp vốn bằng tài sản trị giá 240 tỷ đồng bao gồm nhà máy số 1, nhà máy số 2 và đường giao thông, bãi chứa, hầm lò và hạng mục phụ trợ tại các mỏ quặng là cơ sở vật chất phục vụ khai thác và chế biến khoáng sản đòi hỏi công ty có định hướng khai thác và sản xuất tương ứng với cơ sở vật chất được đầu tư sẽ là một thách thức của doanh nghiệp

trong năm nay. Tuy nhiên, với kế hoạch triển khai khai thác mỏ hiệu quả và định hướng xuất khẩu khoáng sản tinh chế của Công ty thì nguồn vốn góp bằng tài sản này sẽ được sử dụng một cách hợp lý để đạt hiệu quả tối ưu. Ngoài ra, Công ty sử dụng một phần vốn góp bằng tiền để đầu tư góp vốn và hợp tác kinh doanh với các đơn vị có thế mạnh về khai thác, chế biến, và kinh doanh khoáng sản để mở rộng thị trường và phát huy tối đa năng lực sản xuất.

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt do đặc thù hoạt động trong ngành khai khoáng cũng có thể có các tai nạn lao động, sập hầm lò, ... nên để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã tiến hành mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản và đặc biệt là bảo hiểm con người.

PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Vũ Thị Thu Hiền	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Doan	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Đức Tiến** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường** cung cấp.

PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- 1/ **“Công ty”**: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 2/ **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- 3/ **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 4/ **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
- 5/ **“Cổ đông”**: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 6/ **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 7/ **“Điều lệ Công ty”**: Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 8/ **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 9/ **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 10/ **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 11/ **“Ban Tổng Giám đốc”**: Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 12/ **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 13/ **“Tổ chức niêm yết”**: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.
- 14/ **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- 15/ **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **TTCK** : Thị trường chứng khoán
- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **UBND** : Ủy ban nhân dân
- **HNX** : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- **KTB** : Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
- **DHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **HĐQT** : Hội đồng quản trị
- **BKS** : Ban kiểm soát
- **TGD** : Tổng giám đốc
- **BTGD** : Ban Tổng giám đốc
- **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- **TNDN** : Thu nhập doanh nghiệp
- **TSCĐ** : Tài sản cố định
- **TSLĐ** : Tài sản lưu động
- **VSCH** : Vốn chủ sở hữu
- **Giấy CNĐKKD** : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Số CMND** : Số chứng minh nhân dân
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **BCĐKT** : Bảng cân đối kế toán
- **CP** : Cổ phiếu
- **CĐ** : Cổ đông
- **ĐVT** : Đơn vị tính

PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**
- Tên tiếng Anh: **A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **AC GROUP., JSC**
- Trụ sở chính: Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
- Văn phòng đại diện: Số 46, Phố Hàng Bún, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0240 222 6669
- Fax: 0240 222 6669
- Email: tapdoanacuong@gmail.com
- Website : <http://acuonggroup.vn>

- Logo:



ACUONG MINERAL GROUP

- Vốn điều lệ: 560.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 510.000.000.000 đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 27/03/2015
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100511368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 1996, thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26 tháng 01 năm 2015.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Khai thác các quặng kim loại khác không chứa sắt;

(Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác và thu gom than non, than cứng;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Khai thác quặng sắt, đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

(Chi tiết: + Hoạt động khoan thử và đào thử;

+ Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò)

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường được thành lập ngày 15 tháng 02 năm 1996, trụ sở chính tại Số 3, phố Chợ Gạo, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội với số vốn ban đầu là 1.650.000.000 đồng. Hoạt động chính của công ty là khai thác, chế biến quặng đồng và tinh quặng. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường vào ngày 16 tháng 09 năm 2011 với 03 cổ đông sáng lập, vốn điều lệ là 120 tỷ đồng.

Tháng 10/2014, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ lên 560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đồng thời chuyển trụ sở chính về tỉnh Bắc Giang tại địa chỉ thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang để thuận lợi cho hoạt động khai thác và kinh doanh của Công ty. Vốn điều lệ thực góp của Công ty hiện nay là 510 tỷ đồng.

Hiện nay Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến quặng tại 7 điểm mỏ đồng và 1 điểm mỏ than trên địa bàn tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích cấp mỏ lên tới 277,19 ha. Những năm gần đây, công ty tập trung vào khai thác 3 điểm mỏ chính là khai thác quặng đồng tại Mỏ Đồng Bua, Mỏ Khuôn Mười và khai thác than tại Mỏ Đồng Tàn. Công ty đã hoàn thành đầu tư cơ bản và chuẩn bị đưa vào khai thác 2 mỏ đồng Đèo Chũ và Làng Lân. Các mỏ đồng còn lại có thời hạn cấp phép dài hạn tới năm 2029, Công ty sẽ có kế hoạch triển khai thác trong thời gian tới.

1.4. Quá trình tăng vốn

Từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần Công ty đã tiến hành 01 lần tăng vốn vào tháng 01/2015 từ 120 tỷ đồng lên 510 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau:

➤ **Cơ sở pháp lý**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2014/ACM/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2014 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2014/ACM/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2014 thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
- Đăng ký kinh doanh số 0100511368 đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 07/11/2014.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2015/ACM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/01/2015 thông qua việc góp vốn bằng tài sản của bà Phạm Thị Thúy Hạnh và vốn thực góp.
- Chứng thư thẩm định giá số Vc 15/01/07.00/BDS-HN ngày 19/01/2015 và công văn số 105 ngày 25/06/2015 của thẩm định giá.
- Báo cáo kiểm toán vốn số 072/VACO/BCKT.NV2 ngày 31/05/2015.

➤ **Chi tiết đợt phát hành**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 120.000.000.000 đồng
- Số lượng dự kiến phát hành : 440.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến sau PH: 560.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số cổ đông hiện hữu 03 cổ đông
- Tỷ lệ phát hành: 3:11 (cổ đông hiện hữu sở hữu 03 cổ phần sẽ được quyền mua 11 cổ phần mới)
- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu được quyền mua làm tròn xuống đến hàng nghìn.
- Số lượng thực tế phát hành: 39.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cp
- Giá trị thực tế phát hành: 390.000.000.000 đồng.
- Vốn thực góp: 510.000.000.000 đồng

- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 31/01/2015
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền mặt (150 tỷ đồng), tài sản (240 tỷ đồng)

➤ **Phương án sử dụng vốn**

Tổng số tiền và tài sản thực tế phát hành và huy động được là 390 tỷ được sử dụng cho các hoạt động sau:

Stt	Mục đích huy động vốn	Số tiền / Tài sản (đồng)
1	Xây dựng nhà máy số 1, số 2 tại xã Cẩm Đàn, và đầu tư xây dựng hầm lò, đường giao thông, bãi chứa và các công trình phụ trợ tại các mỏ quặng Khuôn Mười, Đồng Bura, Đồng Tàn, Làng Lân, và Phong Vân.	240.000.000.000
2	Đầu tư góp vốn thêm vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	35.000.000.000
3	Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Lê Giang	15.000.000.000
4	Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng.	20.000.000.000
5	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Nông lâm thủy sản.	17.300.000.000
6	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng	40.000.000.000
7	Bổ sung vốn lưu động	22.700.000.000
	Tổng cộng	390.000.000.000

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



➤ Trụ sở chính:

- Địa chỉ : thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại : (0240) 222 6669

➤ Các chi nhánh tại Bắc Giang:

- Chi nhánh tại thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Bắc Giang
- Chi nhánh tại thôn Đá Cối, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, Bắc Giang
- Chi nhánh tại thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, Bắc Giang (Mỏ than Đồng Tân)

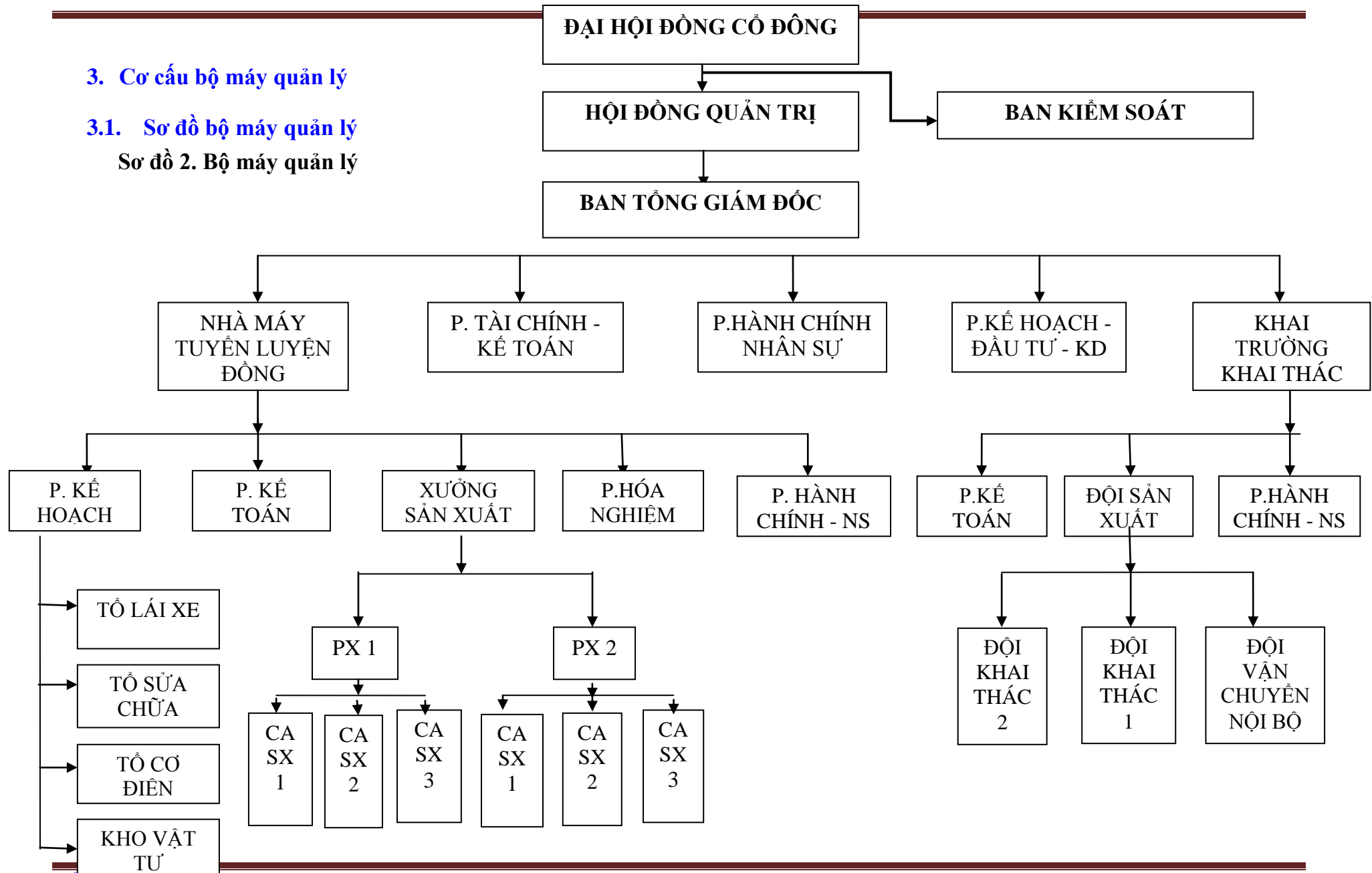
➤ Các nhà máy và khai trường

- Nhà máy tuyển luyện đồng số 1 và số 2 tại xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
- Khai trường khai thác quặng nguyên khai đồng tại các mỏ Khuôn Mười, Đồng Bura, Đèo Chũ, Làng Lân. Các mỏ Làng Đình, Cầu Nhạ, Trại Bát đã được cấp phép, sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới.
- Khai trường khai thác quặng than tại thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Sơ đồ 2. Bộ máy quản lý



3.2. Diễn giải sơ đồ

➤ Đại hội cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát

mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

3.3. Chức năng các phòng ban:

➤ Phòng Hành chính - Nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng giám đốc; Thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Kinh doanh**

Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về:

- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty.
- Công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư.
- Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty.
- Công tác quản lý kinh tế, kỹ thuật.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh.
- Hỗ trợ kinh doanh cho các Chi nhánh trong Công ty.
- Trực tiếp kinh doanh các mặt hàng lớn trong Công ty.

➤ **Các nhà máy tuyển luyện**

Chức năng :

- Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các nhà máy của Công ty trong quan hệ giao dịch với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Điều hành sản xuất sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ:

- Tập trung điều hành ổn định các hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy;
- Tổ chức công tác ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế; Quản lý vốn và tài sản; Tình hình quản lý doanh thu, chi phí; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế Công ty tại nhà máy.
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm;
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy.
- Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê quý năm.
- Làm việc giải trình số liệu với Công ty và các cơ quan chức năng như Thuế, Kiểm toán,...
- Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty.
- Được chủ động trong nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, đối tác.
- Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc.
- Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

➤ **Các khai trường khai thác**

Chức năng :

- Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các khai trường khai thác quặng nguyên khai của Công ty trong quan hệ giao dịch với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Điều hành khai thác các loại quặng nguyên khai theo nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ:

- Tập trung điều hành ổn định các hoạt động khai thác bóc vỉa và vận chuyển quặng;
- Quản lý vốn và tài sản và chi phí khai thác tại khai trường; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế Công ty tại khai trường.
- Lập kế hoạch khai thác theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm;
- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động khai thác tại các khai trường.
- Lập các báo cáo thống kê quý năm.
- Làm việc giải trình số liệu với Công ty và các cơ quan chức năng như Thuế, Kiểm toán,...
- Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty.
- Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc.
- Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và Cơ cấu cổ đông tại ngày 8/5/2015

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 08/05/2015.

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND /ĐKKD	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Xuân Thanh	Số 3, phố Chợ Gạo, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam	011030372	10.000.000	19,61
2	Phạm Thị Thúy Hạnh	Số 3, phố Chợ Gạo, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam	011375838	10.000.000	19,61
	Tổng cộng			20.000.000	39,22

(Nguồn : Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 08/05/2015

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.”

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng Sản Á Cường chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần ngày 16/09/2011. Như vậy, tính đến ngày 08/05/2015 cổ phiếu của cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông

➤ Cơ cấu cổ đông tại ngày 08/05/2015

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	255	51.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	255	51.000.000	100
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0
TỔNG CỘNG		255	51.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

5.1. Danh sách công ty mẹ của CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Không có

5.2. Danh sách những công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Không có

5.3. Danh sách những công ty con của CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

➤ Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, sản xuất và chế biến

khoáng sản (tinh quặng đồng, đồng tấm và than) được thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Các hoạt động chính bao gồm:

- *Tinh quặng đồng và đồng tấm*

Quặng đồng Việt Nam thuộc vào 4 loại có nguồn gốc hình thành khác nhau là: magma, thủy nhiệt, trầm tích, biến chất. Hiện nay, công ty đã được cấp phép khai thác tại 7 điểm mỏ quặng đồng, với tổng diện tích khai thác hơn 200 ha và trữ lượng quặng ước tính đạt 500 nghìn tấn, thời gian khai thác của các mỏ dài nhất đến năm 2029.

Đồng là nguyên liệu quan trọng trong ngành công nghiệp. Xét về khối lượng tiêu thụ, đồng xếp hàng thứ ba trong các kim loại, sau thép và nhôm. Do tính dẫn điện, dẫn nhiệt tốt, độ bền khá cao nên đồng và hợp kim đồng được sử dụng rộng rãi làm dây dẫn điện trong các thiết bị điện công nghiệp và dân dụng. Ngoài ra, đồng và hợp kim đồng còn được sử dụng nhiều trong chế tạo máy, xây dựng, sản xuất điện cực,... Các hợp chất đồng như đồng oxit, đồng sunfat, đồng oxyclohua...cũng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như nông nghiệp, đóng tàu, bảo quản gỗ,... do vậy, Công ty đã tiến hành đầu tư và đưa vào vận hành nhà máy tuyển và luyện đồng với công suất 1.000 tấn/năm trên diện tích đất sử dụng khoảng 140.000 m² có thể sản xuất được sản phẩm đồng tinh luyện lên tới 99,9%.

Hiện nay, công ty đang tiến hành tập trung khai thác và chế biến quặng đồng tại Mỏ Đồng Bua và Mỏ Khuôn Mười (xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang) với tổng diện tích được cấp phép khai thác là 136,69 ha, trữ lượng khai thác 43.619 tấn. Trong thời gian tới, công ty sẽ tiến hành khai thác trên 2 mỏ đồng giàu tiềm năng tại mỏ Đèo Chũ và mỏ Làng Lân đã được cấp phép khai thác với tổng diện tích 21.8 ha và tổng trữ lượng đạt 142.209 tấn. Ngoài ra, công ty đang tiến hành nghiên cứu phương án khai thác tối ưu tại 3 điểm mỏ còn lại (Làng Đình, Cầu Nhạc, Trại Bát) với tổng diện tích khai thác 67,3 ha và tổng công suất đạt 45.679 tấn/năm.

- *Sản phẩm than đá*

Than được chia làm nhiều loại, phụ thuộc vào khả năng sinh nhiệt, hàm lượng cacbon và độ tro, người ta phân thành nhiều loại than. Mỗi loại than có những ưu, nhược điểm riêng và nhìn chung, không thể thay thế cho nhau được.

Công ty hiện đang khai thác than tại mỏ than Đồng Tàn (huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang) chủ yếu là than đá với diện tích khu vực khai thác 51,4 ha và trữ lượng mỏ hơn 300.000 tấn than, công suất khai thác 19.500 tấn than/năm đảm bảo

nguồn khoáng sản khai thác.

➤ Hình ảnh một số sản phẩm của Công ty đang khai thác và sản xuất :

Khai thác quặng :



Quặng đồng



Khai thác quặng đồng



Quặng than



Tinh quặng

Sản xuất đồng tinh luyện



6.2. Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp từ sản phẩm, dịch vụ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường qua các năm

Bảng 1. Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Đồng tấm	11.066.241	10,35	58.839.527	68,33	11.100.000	29,71
2	Than	16.825.440	15,73	5.256.900	6,10	5.400.000	14,45
3	Tinh quặng đồng	37.119.270	34,71	22.022.000	25,57	20.862.170	55,84
4	Khác	41.944.903	39,21	-	-	-	-
	Tổng cộng	106.955.854	100	86.118.427	100	37.362.170	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013, Doanh thu của Công ty đạt gần 107 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ tinh quặng đồng đạt 37,1 tỷ đồng chiếm tỷ trọng cao, đạt 34,71% doanh thu thuần, đồng tấm (10,35%). Mỏ than Đồng Tàn mang lại doanh thu từ than cho Công ty năm 2013 là 16,8 tỷ đồng chiếm 15,73% doanh thu thuần. Trong năm 2013 phát sinh doanh thu từ dịch vụ vận tải, san lấp và hóa chất với giá trị 41,9 tỷ đồng, chiếm 39,21% cơ cấu doanh thu thuần, trong đó doanh thu từ vận chuyển và san lấp là 35,3 tỷ và doanh thu từ bán hóa chất là 6,6 tỷ.

Năm 2014 Công ty đang vận hành và khai thác 2 hệ thống dây chuyền tuyển luyện, 1 dây chuyền hòa luyện, 1 dây chuyền điện phân thực hiện tinh chế đồng 99,99%, Trong năm, do đã tìm được vị trí vỉa quặng nên Công ty tập trung đẩy mạnh hoạt động khai thác và tinh chế sản phẩm đồng tấm tinh luyện nâng doanh thu từ 11,07 tỷ năm 2013 lên 58,84 tỷ năm 2014. Doanh thu từ than năm 2014 giảm mạnh so với năm 2013, từ mức 16,83 tỷ đồng xuống mức 5,26 tỷ đồng do mạch quặng cũ đã khai thác hết và mạch quặng mới công ty phải xác định lại, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác.

Quý I/2015 Công ty tiếp tục tập trung vào khai thác, sản xuất và tinh luyện đồng với sản phẩm chủ lực là đồng tấm và tinh quặng đồng, trong đó doanh thu trong kỳ từ tinh quặng đồng tăng mạnh do trong quý đơn đặt hàng của khách hàng tăng đột biến ở dòng sản phẩm này, đạt 20,86 tỷ đồng, chiếm 55,84% cơ cấu doanh thu trong kỳ. Doanh thu từ đồng tấm hay tinh quặng đồng phụ thuộc vào yêu cầu đặt hàng của khách. Doanh thu từ than đã hồi phục, đạt mức 5,4 tỷ đồng, tương đương với mức của cả năm 2014, do đã xác định được mạch quặng với trữ lượng tốt.

Bảng 2. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
1	Đồng tấm	4.420.461	4,13%	15.893.457	18,46%	2.235.377	5,98
2	Than	1.115.045	1,04%	4.072.363	4,73%	437.137	1,17
3	Tinh quặng đồng	2.999.335	2,80%	5.582.254	6,48%	2.032.502	5,44
4	Khác	2.707.046	2,53%	0	0	0	0
	Tổng cộng	11.241.887	10,51%	25.548.074	29,67%	4.705.016	12,59%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần của Công ty có bước tiến khả quan trong năm 2014, tăng từ mức 10,51% của năm 2013 lên mức 29,67% của năm 2014. Tỷ suất sinh lợi gộp của tất cả các sản phẩm đều tăng, trong đó tỷ suất sinh lợi gộp từ sản phẩm đồng tấm tăng mạnh, từ mức 4,13% năm 2013 lên mức 18,46% năm 2014. Năm 2013 Công ty phát sinh nhiều chi phí trong hoạt động khai thác do phải thực hiện bóc đất để tìm vỉa quặng. Vì thế sang năm 2014, do đã xác định được vị trí vỉa quặng nên làm giảm các chi phí vận chuyển, bóc đất. Đồng thời, năm 2014 cũng là năm giá nguyên nhiên liệu đầu vào như xăng, dầu,... giảm mạnh so với năm 2013 theo tình hình chung của giá nguyên nhiên liệu trên thế giới nên góp phần làm giảm giá thành đầu vào, cũng như làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Quý I/2015, tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần trong kỳ đạt 12,59%, đồng tâm và tinh quặng đồng vẫn là những mặt hàng chủ lực. Tỷ trọng này sẽ tăng khi công ty có kết quả kinh doanh cả năm.

6.3. Nguyên vật liệu

➤ Nguồn nguyên vật liệu chính

Các nguyên vật liệu, vật tư chính cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Quặng đồng;
- Quặng than;
- Các thiết bị khai thác như: Máy xúc, dàn nghiền tuyển, xe Ben, máy khoan thủy lực, búa đập, máy bơm áp lực cao,...
- Các thiết bị phục vụ xây dựng, vận chuyển như: Xe tải các loại, máy xúc, máy ủi, máy san gạt, lu tĩnh, lu rung,...
- Thuốc nổ công nghiệp.
- Các thiết bị điện, nước phục vụ khai thác, xây dựng và chế biến khoáng sản như dây điện, ống nhựa,...
- Nhiên liệu xăng, dầu, than: Chiếm khoảng 10% trên tổng chi phí sản xuất của Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị thi công, khai thác mỏ tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe Ben, xe tải,...

➤ Sự ổn định của các nguồn cung cấp vật tư nguyên vật liệu

Với gần 20 năm hoạt động trên thị trường khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty phần nào đã có chỗ đứng vững chắc. Hiện nay Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường đang được cấp phép khai thác nhiều mỏ kim loại màu và với số mỏ hiện có, công ty có nguồn mỏ đầu vào đảm bảo cho hoạt động khai thác tới năm 2029.

Một số mỏ đã và đang tiến hành khai thác như sau:

Stt	Tên mỏ	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản	Công suất khai thác (tấn/năm)	Trữ lượng (tấn)	Thời hạn cấp phép
1	Mỏ Đồng Bua và Mỏ Khuôn Mười	Cắm Đàn, Sơn Động, Bắc Giang	136,69 ha (trong đó Đồng Bua 97,02 ha Khuôn Mười 39,67 ha)	Đồng	-	43.619	07/2021
3	Mỏ Đồng Tàn	An Bá, Sơn Động, Bắc Giang	51,4	Than	19.500	311.512	11/2019
4	Mỏ Đèo Chũ	Phong Vân, Lục Ngạn, Bắc Giang	3,6	Đồng	9.000	45.000	07/2020
5	Mỏ Làng Lân	Giáo Liêm, Sơn Động, Bắc Giang	18,2	Đồng	10.000	97.209	02/2017
6	Mỏ Khu Làng Đình	Biên Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	5,3	Đồng	15.024	-	11/2029
7	Mỏ Khu Cầu Nhạc	Phong Vân, Lục Ngạn, Bắc Giang	58,7	Đồng	14.480	-	11/2029
8	Mỏ Khu Trại Bát	Biên Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang	3,3	Đồng	16.175	-	11/2029

(Nguồn : Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

- ❖ Hiện tại Công ty đang tập trung khai thác 3 mỏ: Mỏ Đồng Bua, Mỏ Khuôn Mười, Mỏ Đồng Tàn.

- ❖ Đối với mỏ Làng Lân: Được UBND tỉnh Bắc Giang gia hạn khai thác mỏ đến 02/2017 theo Công văn số 432/UBND-TN ngày 26/02/2014
- ❖ Các mỏ khác hiện tại Công ty đang chuẩn bị tiến hành khai thác và có thời hạn cấp phép dài.

Bảng 1. Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, nhiên liệu cho Công ty

Stt	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	46 Hàng Bún, Phường Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Hà Nội	Hóa chất, tấm lót nghiền bi bằng thép
2	Công ty TNHH Ngọc Diệp	Số 25, Đường Ngô Thị Sỹ, Phường Tam Thanh, TP Lạng Sơn	Máy nghiền bi, máy phân hạt
3	Công ty TNHH Quốc Dương	Km 93+94 Quốc lộ 5 mới, xã Nam Sơn, H. An Dương, TP Hải Phòng	Hóa chất Na ₂ S
4	Liên đoàn Intergeo	Đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội	Khảo sát, đánh giá tiềm năng khoáng sản
5	Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	Số 102 Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	Vật liệu nổ công nghiệp
6	Công ty TNHH Đúc hợp kim và Thương mại Hải Phòng	Số 8/27 Lê Lợi, Phường Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng	Bi nghiền

(Nguồn : Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

Để đảm bảo cho nguyên liệu đầu vào ổn định về giá, đảm bảo đúng quy cách, chất lượng, chủng loại và cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty đã thiết lập được một hệ thống các nhà cung cấp chiến lược đầy tiềm năng và có uy tín. Các nhà cung cấp này đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua và sẵn sàng nhằm đảm bảo nguồn cung cho Công ty khi cần thiết.

➤ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của Công ty được khai thác trực tiếp tại các mỏ. Vì vậy, những chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước trong quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nguyên liệu của Công ty, việc

thay đổi bất cứ một chính sách đều ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào do đó ảnh hưởng lớn tới kết quả sản xuất của Công ty.

Nhìn chung, với các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác với trữ lượng tương đối cao và chất lượng tốt, nguồn cung ứng vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty luôn ổn định và dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 15 năm tới.

Nguồn cung ứng nhiên liệu thiết yếu như xăng, dầu cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nhiên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

6.4. Cơ cấu chi phí

Bảng 2. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1	Giá vốn hàng bán	95.713.967	89,49	60.570.354	70,33	32.657.154	87,41
2	Chi phí tài chính	7.913.638	7,40	9.145.163	10,62	2.413.327	6,46
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí QLDN	2.315.509	2,16	4.373.004	5,08	579.318	1,55
	Tổng cộng	105.943.114	99,05	74.088.521	86,03	35.649.799	95,42

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013 là năm khó khăn của Công ty khi chi phí đầu vào tăng cao dẫn tới tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng cao, chiếm 89,49% doanh thu thuần. Do trong năm Công ty thực hiện bóc đất để tìm vỉa quặng khai thác làm cho chi phí khai thác tăng cao, cùng với đó là giá nguyên liệu phục vụ sản xuất tăng dẫn tới giá vốn hàng bán cao.

Sang năm 2014, do đã xác định được vị trí vỉa quặng nên Công ty đã tiết kiệm được chi phí vận chuyển, bóc đất. Đồng thời trong năm 2014 dây chuyền hóa luyện đồng và dây chuyền điện phân thực hiện tinh chế đồng 99,99% của Công ty đi vào

hoạt động góp phần nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, năm 2014 giá nguyên nhiên liệu đầu vào (xăng, dầu,...) giảm mạnh so với năm 2013 theo tình hình chung của giá nguyên nhiên liệu thế giới nên phần nào làm giảm giá thành đầu vào các sản phẩm của Công ty, đồng thời Công ty đã thực hiện các chính sách thắt chặt quản lý, đổi mới kỹ thuật, tiết kiệm nguyên liệu dẫn tới tỷ trọng Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần giảm xuống còn 70,33%.

Về chi phí tài chính, đây chính là khoản lãi vay tín dụng trung và dài hạn trả cho các ngân hàng, đứng ở mức 7.91 tỷ trong năm 2013 và ở mức 9,15 tỷ năm 2014, chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần tương ứng ở các mức 7,40% và 10,62%.

Về chi phí bán hàng bằng 0 là do công ty thực hiện bán buôn các sản phẩm dịch vụ của mình cho các đối tác mà việc xuất hàng được thực hiện tại nhà máy tuyển luyện đồng, tại kho chứa, và tại khai trường than nên không mất chi phí vận chuyển cũng như các chi phí bán hàng khác.

6.5. Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Đức, Ý, Trung Quốc,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước.

Đối với công nghệ sản xuất đồng từ quặng, sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp thủy luyện và phương pháp hỏa luyện:

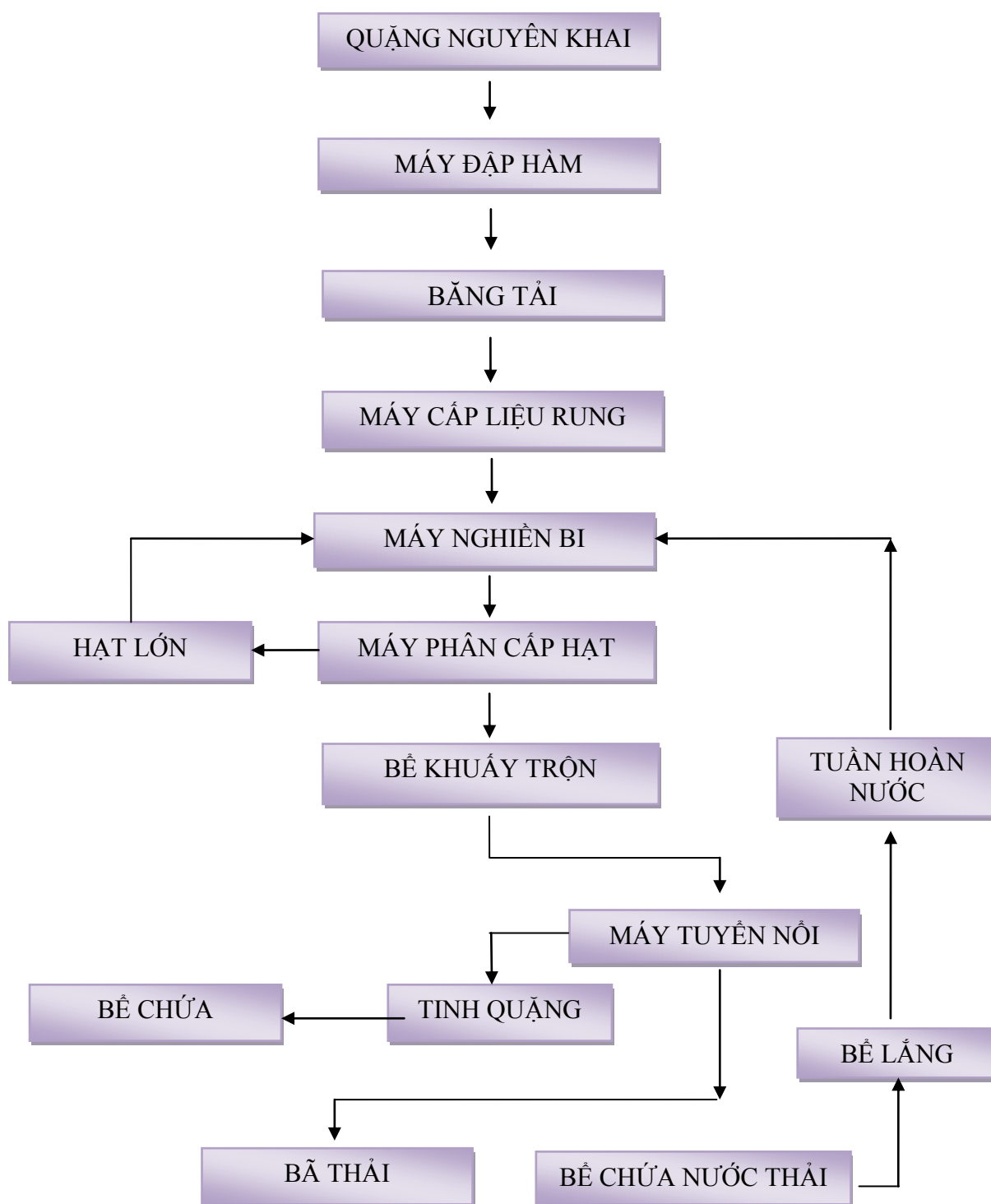
- Phương pháp thủy luyện: quặng đồng được nghiền nhỏ, mịn sau đó hòa tan trong dung dịch axit H_2SO_4 , tiếp đó tiến hành tách dung dịch $CuSO_4$ và thực hiện tinh chế dung dịch điện phân $CuSO_4$ cho ra sản phẩm bột đồng hoặc tấm Katod, cuối cùng tiến hành nung chảy và định hình ra sản phẩm đồng hàm lượng 99,99%.
- Phương pháp hỏa luyện: quặng đồng được nghiền nhỏ, mịn sau đó được đưa vào lò đốt theo dây chuyền hiện đại để phân tách tạo sản phẩm đồng với hàm lượng khoảng 40-50%.

Phương pháp thủy luyện là phương pháp ngày càng được ứng dụng rộng rãi, đặc biệt đối với các nước vùng nhiệt đới do :

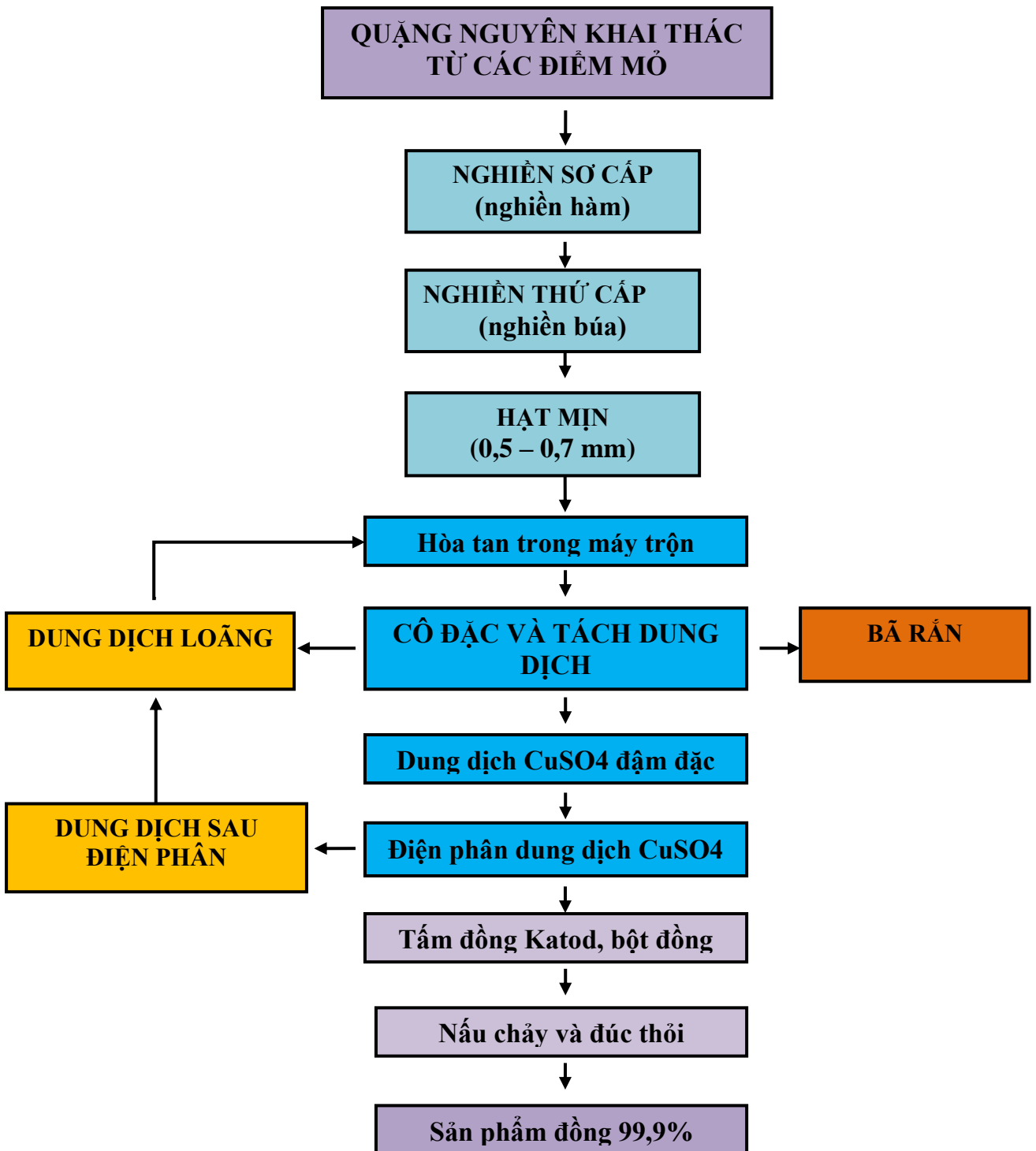
- Các quá trình dễ thực hiện, có thể hòa tan, tách dung dịch ngoài trời cho các loại quặng phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên của Bắc Giang.
- Máy móc thiết bị đơn giản, một số bể hòa tan, bể khử dung dịch được làm bằng bê tông cốt thép phủ nhựa đường, ... do vậy chi phí đầu tư thấp, có thể đầu tư thành từng cụm thiết bị với công suất nhất định, phù hợp với trữ lượng các mỏ nhỏ, phân bố phân tán.
- Công nghệ thân thiện với môi trường, xử lý hoàn nguyên dung dịch dễ hơn và ít tốn kém hơn công nghệ hòa luyện.

Hiện tại Công ty có đồng bộ các hệ thống tuyển luyện, hệ thống hòa luyện, và hệ thống thủy luyện thực hiện tinh chế từ quặng thành đồng thương phẩm 99,99%.

Sơ đồ 2 : Sơ đồ quy trình sản xuất tinh quặng



Sơ đồ 3 : Sơ đồ sản xuất kim loại đồng



6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Thời gian vừa qua Công ty đang đẩy mạnh công tác thăm dò và tìm quặng cũng như việc khai thác một số mỏ ban đầu chủ yếu áp dụng công nghệ khai thác thô và sản xuất quặng nguyên liệu thô nên hàm lượng giá trị gia tăng không cao. Năm trong định hướng phát triển dài hạn của Công ty là đi sâu vào chế biến quặng tinh

nên công tác nghiên cứu và phát triển đang là điểm then chốt tạo nên bước đột phá cho Công ty trong thời gian tới. Với mục tiêu là triển khai nghiên cứu:

- Tiến hành chiết tách đồng và bạc;
- Nghiên cứu chiết tách Molybden và Antimon tinh luyện.

Với mục đích đó, công ty đã thành lập ban “*Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*” của tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty.

Trong thời gian tới, ban Nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới sẽ do các chuyên gia nước ngoài và nhiều cán bộ khoa học mỏ địa chất cao cấp của Việt Nam đảm trách.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai.
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiên tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.

Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000.

6.8. Hoạt động marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Chiến lược kết hợp chặt chẽ giữa chất lượng sản phẩm/dịch vụ và một chiến lược marketing hiệu quả, cụ thể:

- Tham gia tích cực, đóng góp ý kiến, quảng cáo trên một số tạp chí chuyên ngành của cả nước.

- Tham gia hội chợ giới thiệu nguyên liệu khai khoáng trong và ngoài nước.
- Luôn giữ mối quan hệ tốt đối với các đối tác, khách hàng.
- Kết hợp mục tiêu quảng bá và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội và cộng đồng; hàng năm Công ty tham gia tài trợ các dự án cộng đồng ủng hộ quỹ giúp đỡ người nghèo, xây nhà tình nghĩa, quỹ khuyến học, tài trợ các chương trình văn hóa và tôn giáo tại một số vùng thuộc khu vực Tây Bắc.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh qua các công cụ sau:
 - + Hệ thống văn phòng Công ty được trang bị đầy đủ, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp,
 - + Nhân viên được đào tạo bài bản và có chuyên môn trong từng lĩnh vực.
 - + Hệ thống hỗ trợ thông tin như website, catalogue, hướng dẫn thiết kế, sử dụng ... đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, với phương châm ***“Mỗi một phòng ban, mỗi một cán bộ đều phải có ý thức giữ gìn, nâng cao vị thế và thương hiệu sản phẩm, hình ảnh của Công ty”***, trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo và nhãn hiệu Công ty :



- Logo này được sử dụng làm biểu tượng cho tất cả các sản phẩm và dịch vụ cũng như trên các công cụ truyền thông, marketing của CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường. Đồng thời, Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu và logo.

6.10. Danh mục các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 3. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của Công ty tính đến thời điểm hiện tại

Stt	Tên đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/dịch vụ cung cấp	Giá trị (nghìn đồng)
Các hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2014				
1	CTCP Kinh doanh Than Hoàng Ngân	01/2014	Hợp đồng nguyên tắc xuất bán than	5.256.900
2	Công ty TNHH Cảnh Phong	2014	Đồng tấm	46.358.015
3	Công ty Nhật Quân	2014	Đồng tấm	10.175.055
4	Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	05/2014	Quặng đồng	4.125.000
5	Công ty TNHH Lê Giang	2014	Quặng đồng	16.698.324
	Tổng cộng			82.613.294
Các hợp đồng lớn đã ký và đang thực hiện trong năm 2015				
1	Công ty TNHH Cảnh Phong	01/2015	Quặng đồng sunfua	6.270.000
2	CTCP Kinh doanh than Hoàng Ngân	02/2015	Than thành phẩm	8.910.000
3	Công ty TNHH Cảnh Phong	04/2015 – 12/2015	Đồng tấm, quặng đồng sunfua, tinh quặng đồng	85.000.000
		06/2015	Quặng đồng sunfua	15.125.000
4	Công ty TNHH MTV Thịnh Vượng	01/2015	Quặng đồng sunfua	15.785.000
		06/2015 – 12/2015	Quặng đồng sunfua, tinh quặng đồng	3.765.000
5	Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	05/2015 – 12/2015	Đồng tấm, quặng đồng sunfua, tinh quặng đồng	33.000.000
6	Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	05/2015	Đồng tấm, quặng đồng sunfua, tinh quặng đồng	34.000.000
	Tổng cộng			201.855.000

(Nguồn: CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014

Bảng 4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm so với năm 2013	Quý I/2015
1	Tổng giá trị tài sản	279.246.223	224.522.163	(19,60) %	633.069.424
2	Vốn chủ sở hữu	115.330.208	127.166.735	10,26 %	521.052.441
3	Doanh thu thuần	106.955.854	86.118.427	(19,48) %	37.362.170
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.021.021	12.030.832	1078 %	1.712.692
5	Lợi nhuận khác	(937.698)	(194.305)	-	2.173.014
6	Lợi nhuận trước thuế	83.324	11.836.527	14.105 %	3.885.706
7	Lợi nhuận sau thuế	83.324	11.836.527	14.105 %	3.885.706
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	49,67%	-	-
9	Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,07%	9,76%	13.842%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2014 đánh dấu bước phát triển trong hiệu quả sản xuất của công ty, đặc biệt là trong hoạt động khai thác và tinh luyện đồng, do Công ty đã xác định được vị trí vỉa quặng nên đã tiết giảm đáng kể các chi phí liên quan.

Cũng trong năm 2014 dây chuyền hỏa luyện đồng của Công ty bước đầu đi vào hoạt động góp phần nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, năm 2014 giá nguyên nhiên liệu đầu vào (xăng, dầu,...) giảm mạnh so với năm 2013 theo tình hình chung của giá nguyên nhiên liệu thế giới nên góp phần làm giảm giá thành đầu vào các sản phẩm của Công ty. Với các lý do trên, tỷ trọng GVHB/DTT năm 2014 giảm xuống 70,3% so với tỷ lệ 89,5% của năm 2013, do vậy, doanh thu thuần năm 2014 giảm 19,48% so với năm 2013 nhưng lợi nhuận năm 2014 lại tăng.

Quý I/2015, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 510 tỷ đồng, dẫn đến tổng tài sản, vốn chủ sở hữu tăng mạnh, tiếp tục đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ về quy mô công ty, trong đó từ tháng 1/2015, công ty thực hiện nhận góp vốn bằng tài sản là hệ thống các hạng mục công trình: Các nhà máy, đường giao thông, bãi chứa, hầm lò, các hạng mục phụ trợ tại các mỏ quặng Khuôn Mười, Đồng Bua, Đồng Tàn, Làng Lân và Phong Vân.

Trong quý III/2015, công ty sẽ hoàn chỉnh đầu tư nâng cấp hệ thống điện và trạm biến áp, đồng thời hoàn thành việc chạy thử tải 2 dây chuyền tuyển luyện, nâng tổng số dây chuyền tuyển luyện lên 4, đồng thời phát huy tối đa công suất của 1 dây chuyền hòa luyện và 1 dây chuyền điện phân, góp phần tăng năng lực sản xuất và đẩy mạnh doanh thu nhằm đạt mục tiêu cả năm 2015 đã đề ra.

Với sự tăng trưởng tài sản trong năm 2015 cũng cho thấy những tín hiệu tích cực về kết quả kinh doanh của công ty, với doanh thu quý I/2015 đạt 37,36 tỷ bằng 43,38% doanh thu thuần năm 2014, lợi nhuận sau thuế đạt 3,88 tỷ đồng, bằng 32,8 lợi nhuận sau thuế năm 2014.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Công ty đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng và luyện đồng, thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư. Theo công văn của chi cục thuế Huyện Sơn Động – Cục thuế Tỉnh Bắc Giang về việc trả lời chính sách ưu đãi thuế, công ty xác định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo cho nhà máy tuyển và luyện đồng. Năm 2014 là năm đầu tiên công ty áp dụng miễn thuế TNDN của dự án. Đối với kết quả kinh doanh tại 2 chi nhánh năm 2014 không phát sinh thuế TNDN.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

➤ Thuận lợi

- Trữ lượng các mỏ quặng có giá trị của Công ty như đồng, ... rất dồi dào và có chất lượng tốt, thời gian khai thác lâu dài.
- Máy móc, trang thiết bị dành cho sản xuất hiện đại, khai thác được tối đa tiềm năng mỏ và giảm thiểu chi phí.
- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ của Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường trong khu vực.
- Với uy tín ngày càng cao trong ngành, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục được cấp phép các mỏ quặng mới với trữ lượng cao và rất có giá trị về mặt kinh tế, là cơ sở để Công ty mở rộng quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ.
- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những

doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Công ty cũng không phải là ngoại lệ.

➤ **Khó khăn**

- Là một doanh nghiệp trẻ nếu so với các Công ty trong khu vực Nhà nước đã có rất nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng.
- Phụ thuộc nhiều vào các chính sách vĩ mô của Nhà nước về khai thác khoáng sản. Bất kỳ sự biến động nào về chính sách cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Với chính sách ngày càng hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô của Nhà nước nhằm hạn chế việc chảy máu nguồn tài nguyên đang đặt ra cho Công ty một sức ép không nhỏ về việc đầu tư máy móc và nghiên cứu công nghệ nhằm nâng cao hơn nữa hàm lượng quặng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Giá bán các loại quặng trong năm 2014 không ngừng biến động, khó có thể dự đoán trước do vậy, sẽ tác động trực tiếp tới doanh thu của công ty trong các năm tiếp theo.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Được thành lập từ năm 1996, Công ty đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản thêm vào đó với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Bắc Giang vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt với những doanh nghiệp có công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn hệ sinh thái cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh cũng như trên cả nước, cụ thể:

- **Về uy tín:**

Công ty đã trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, có thể nói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty phần nào đã được ghi nhận trên thị trường. Có được sự tin nhiệm của các đối tác, khách hàng trong nhiều năm.

- **Về nhân lực:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tích cực đổi mới, nhạy bén trong việc nhận định

tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định những bước đi có tính chất đột phá nhằm đạt mục tiêu chiến lược của Công ty. Hơn nữa, lãnh đạo công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành khai thác khoáng sản. Bên cạnh đó, công ty còn có đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện mình và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

- **Về công nghệ:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường luôn cân bằng việc khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường sinh thái lên hàng đầu. Chính vì vậy, công ty luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại đủ năng lực khai thác và sản xuất các loại quặng ngày càng sâu và tinh hơn và đảm bảo bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên tại khu vực khai thác cũng như sức khỏe con người cho các khu vực lân cận.

- **Về nguồn mỏ:**

Đây có thể nói hiện là thế mạnh nổi bật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, với lượng mỏ đã được cấp phép, công ty có thể tiến hành khai thác trong thời gian 15 năm tới. Các mỏ quặng của Công ty có hàm lượng quặng cao, nhiều mỏ quặng quý cũng như thuận lợi cho việc triển khai khai thác.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng kim loại có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Quặng sắt được phát hiện và khoanh định trên 200 vị trí, tập trung chủ yếu ở vùng núi phía Bắc. Các loại khác như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác, chế biến và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản luôn đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác quặng. Khoáng sản kim loại luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và

có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Với nhu cầu sản xuất sử dụng nguyên liệu từ quặng ngày càng cao thì ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

Cũng theo Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011, Chính phủ có nhiều chính sách Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, thăm dò khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Công nghiệp khai khoáng là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều các nguyên nhiên liệu quặng làm đầu vào, nhờ đó các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn.

Hiện tại, hầu hết các Công ty trong ngành này đều đang ở vị thế “độc quyền” trong việc khai thác, có lợi nhuận hấp dẫn, dễ khai thác. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Công ty hoạt động trong ngành chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế...Thêm vào đó, chi phí khai thác mỏ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu và giá cả những nguyên nhiên liệu này trong những năm gần đây liên tục biến động, ảnh hưởng lớn đến kết quả khai thác nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nhiên liệu hợp lý. Bên cạnh việc chiếm giữ các lợi thế về nguồn mỏ, nguồn tài chính, ...các công ty khai thác mỏ luôn phải đảm bảo công nghệ khai thác để bảo vệ môi trường. Đứng trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới, cụ thể như:

- Tập trung phát triển kinh doanh các sản phẩm chủ lực của Công ty là Than, đồng tấm, tinh quặng.
- Lập và điều chỉnh quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian

tới để phù hợp với tình hình. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

- Tối ưu hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản nhằm sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên quốc gia và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản. Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.
- Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để duy trì, phát triển thị trường và chuẩn bị cho việc xuất khẩu hàng hóa. Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt và cạnh tranh phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, an toàn trong thanh toán với các giao dịch mua bán vẫn được ưu tiên hàng đầu.
- Nghiên cứu các cơ hội phát triển hoạt động xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác tính giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tốt đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường. Đồng thời, chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
- Tăng cường liên kết với các tổ chức tài chính, các tổ chức ngân hàng để tăng nguồn vốn khi cần thiết.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động trong công ty

Tại thời điểm 31/03/2015, tổng số lao động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường là 110 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 5. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2015

Phân loại Lao động	Số lượng (người)
▪ Theo trình độ chuyên môn	110
- Đại học	21
- Cao đẳng, Trung cấp	12
- Công nhân kỹ thuật qua đào tạo	18
- Công nhân phổ thông	59
▪ Theo hình thức làm việc	110
- Lao động gián tiếp	29
- Lao động trực tiếp	81

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển Công ty, do đó Công ty có nhiều chính sách hợp lý để người lao động gắn bó làm việc với trách nhiệm và hiệu quả cao nhất

9.3. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 3 ca làm việc/ngày, 22 ngày làm việc/tháng. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ

thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

➤ **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

➤ **Chính sách lương:**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 5.000.000 đồng/tháng.
- Lương bình quân của khối hành chính: 6.200.000 đồng/tháng.

➤ **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của

bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Tình hình hoạt động tài chính.

Ngày 2/3/2015, Đại hội cổ đông thương niên năm 2015 đã tiến hành họp và thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 ở mức 5%. Đồng thời đại hội cũng thông qua kế hoạch trả cổ tức cho các năm 2015, 2016, và 2017 lần lượt ở các mức 10%, 15%, và 20%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay dài hạn và vốn điều lệ của Công ty được sử dụng để đầu tư vào tài sản dài hạn, trong đó đầu tư vào dây chuyền máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn.

➤ Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

➤ Mức lương bình quân của người lao động

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các nhà máy: 5.000.000 đồng/tháng.
- Lương bình quân của khối hành chính: 6.200.000 đồng/ tháng.

➤ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

➤ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Bảng 6. Các khoản phải nộp theo quy định

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
I	Thuế	4.069.564	6.454.307	6.475.307

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

1	Thuế GTGT	3.524.286	6.137.428	6.137.428
2	Thuế xuất nhập khẩu	339.646	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.470	76.639	76.639
4	Thuế tài nguyên	125.162	240.240	261.240
II	Các khoản phải trả khác	318.742	514.094	526.693
5	Các khoản phí và lệ phí	318.742	514.094	526.693
	Tổng cộng:	4.388.306	6.968.401	7.002.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý 1 năm 2015 của Công ty)

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Hiện tại công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ nhằm tái đầu tư lợi nhuận và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bảng 7. Số dư các quỹ

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	93.063	-	-
2	Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2014, công ty đã hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối do số liệu từ các năm trước không có căn cứ ghi nhận.

Hàng tồn kho

Bảng 8. Hàng tồn kho

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Nguyên vật liệu	31.568.821	6.996.313	15.219.045

2	Công cụ, dụng cụ	244.111	-	-
3	Chi phí SXKD dở dang	18.471.853	5.911.289	11.479.340
4	Thành phẩm	1.092.720	6.515.280	6.081.515
5	Hàng hóa	3.785.826	604.270	1.493.970
	Tổng cộng :	55.163.331	20.027.152	34.273.870

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013, hàng tồn kho của công ty ở mức 55,16 tỷ, tập trung chủ yếu vào nguyên vật liệu sản xuất và chi phí SXKD dở dang với giá trị tương ứng ở mức 31,47 và 18,47 tỷ. Sang năm 2014, nguyên vật liệu và chi phí SXKD dở dang đã được luân chuyển trong quá trình sản xuất, tạo hàng hóa xuất bán cho các đối tác theo chu trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, số dư hàng tồn kho tại 31/12/2014 là 20,03 tỷ. Đầu năm 2015, công ty tăng cường sản xuất nhằm cung ứng kịp thời sản phẩm đến cho khách hàng theo các hợp đồng đã ký kết nên tỷ lệ hàng tồn kho tăng lên tương ứng.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

➤ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 9. Tình hình dư nợ vay của Công ty

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	60.729.344	52.098.152	49.794.348
2	Vay và nợ dài hạn	20.962.983	34.522.168	35.286.327
	Tổng cộng:	81.692.327	86.620.320	85.080.675

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Tính đến hết 31/03/2015, Công ty có 3 hợp đồng tín dụng với các ngân hàng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/HĐ giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), hạn mức tiền vay 55 tỷ đồng, mục đích

vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng lần giải ngân, lãi suất tiền vay theo từng lần giải ngân, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ hệ thống dây truyền máy móc theo phương pháp thủy luyện, hỏa luyện, thế chấp quyền khai thác tài nguyên, bất động sản.

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/2635737/HĐTDTTH giữa Công ty và Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ, số tiền vay là 30 tỷ đồng, mục đích vay để thực hiện đầu tư “Dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.550 tấn/ năm giai đoạn 2 - Hỏa luyện - phần thiết bị của Công ty, thời hạn vay 06 năm kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, lãi suất tiền vay thả nổi theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời gian trả nợ 66 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị được đầu tư bằng vốn tự có, vốn vay và vốn khác vào giai đoạn 2 - Hỏa luyện của Công ty, thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 698429 ngày cấp 18/06/2008 của Công ty TNHH Tam Cường tại thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ giữa Công ty và Ngân hàng BIDV - CN Tây Hồ, tổng số tiền vay là 3,7 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án “Mua 05 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất tiền vay theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay.

Các khoản vay và nợ đến hạn của Công ty đều đã được thanh toán đầy đủ kịp thời, không có khoản nợ vay nào quá hạn. Các khoản nợ vay sắp đến thời hạn thanh toán đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ kịp thời.

➤ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 10. Các khoản phải thu

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải thu khách hàng	105.679.243	73.621.343	102.378.030

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

2	Trả trước cho người bán	18.159.984	9.147.425	3.776.976
3	Phải thu khác	356.761	-	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ	3.863.281	1.845.360	2.296.394
	Tổng cộng:	128.059.269	84.614.128	108.451.400

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Danh sách các khoản phải thu lớn cụ thể như sau:

Stt	Tên khách hàng	31/12/2014	31/03/2015	Thanh toán	Thời hạn thanh toán
1	Công ty Cảnh Phong – TNHH	31.634.165.000	34.499.618.000	Đã thanh toán đến 4/6/2015 số tiền 22.065.000.000 đ	Tháng 9-12 năm 2015
2	Công ty TNHH Lê Giang	11.128.000.000	11.128.000.000	Đã thanh toán hết ngày 21/04/2015	
3	Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia	4.125.000.000	-	Đã thanh toán hết Quý I/2015	
4	Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	10.175.055.000	19.805.055.000	Đã thanh toán đến 11/6/2015 7.305.000.000 đ	Tháng 9-12 năm 2015
5	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	5.788.049.931	5.788.049.931	Đã thanh toán hết vào Tháng 04/2015	
6	Cty TNHH Thương mại & Dịch vụ Tuấn Triệu	1.207.674.359	1.207.674.359	-	Tháng 9/2015
7	Công ty TNHH MTV Thịnh Vượng	3.824.814.840	20.440.105.840	Trong kỳ phát sinh nợ 16.615.291.000đ	Tháng 12/2015
8	Công ty TNHH MTV Than Hà Bắc	2.759.080.500	2.863.195.500	-	Tháng 9/ 2015
9	CTCP Kinh doanh Than Hoàng Ngân	2.227.500.000	5.940.000.000	Đã thanh toán hết vào tháng 4/2015	

Bảng 11. Các khoản phải trả

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải trả người bán	46.311.848	2.586.707	19.934.307
2	Người mua trả tiền trước	11.662.983	1.180.001	-
3	Phải trả người lao động	238.500	-	-
4	Các khoản phải trả khác	19.622.051	-	-
	Tổng cộng:	77.835.382	3.766.708	19.934.307

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 Công ty)

Năm 2014, Công ty đã thực hiện thanh toán đáng kể các khoản phải trả, đặc biệt là khoản phải trả người bán. Khoản phải trả lớn phát sinh trong quý 1/2015 là khoản phải trả Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia (15,9 tỷ đồng), Công ty TNHH Hồng Thanh (2,07 tỷ đồng) để mua nguyên vật liệu và đã được công ty thanh toán hết trong tháng 4/2015, các khoản phải trả người bán khác thanh toán theo tiến độ hợp đồng, phần lớn được công ty thanh toán hết trong tháng 6/2015.

➤ *Khoản mua, bán hàng với CTCP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường năm 2014*

	Giá trị (đồng)	Loại hàng hóa	Đã thanh toán	Phải thu/Phải trả tại 31/12/2014	Phải thu/Phải trả tại 31/03/2015
Mua	10.405.598.391	Hóa chất, tấm lót nghiền bi bằng thép	9.819.379.536	586.218.855	0
Bán	10.319.091.391	Quặng, than các loại	4.531.041.460	5.788.049.931	5.788.049.931*

Theo hợp đồng bán hàng, khoản phải thu CTCP Tập đoàn Tam Cường chưa đến hạn thanh toán, thời hạn thanh toán là tháng 11 năm 2015, tuy nhiên công ty CTCP Tập đoàn Tam Cường đã thanh toán hết cho công ty vào tháng 4 năm 2015.

➤ *Các khoản tạm ứng:*

Khoản tạm ứng cho bà Phạm Thị Thúy Hạnh trong năm 2013 là 12,7 tỷ đồng. Năm 2014 tạm ứng thêm 10,5 tỷ đồng, tổng giá trị khoản tạm ứng cho bà Phạm Thị Thúy Hạnh đến hết năm 2014 là 23.200.000.000 đồng. Khoản tạm ứng này chủ trương giao cho bà Phạm Thị Thúy Hạnh thay mặt công ty thực hiện mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đô Linh tại tỉnh Nghệ An (trị giá 10.000.000.000 đồng). Số còn lại (13.200.000.000 đồng) giao cho bà Phạm Thị Thúy Hạnh thực hiện đặt cọc cho đối tác về việc sản xuất theo yêu cầu dây chuyền thiết bị sản xuất kim loại màu công suất 500 tấn/ngày. Thời gian làm thủ tục hoàn ứng về công ty trong quý III năm 2015.

❖ **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Tại thời điểm 31/03/2015, các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty bao gồm các khoản mua cổ phần góp vốn và các khoản đầu tư hợp tác kinh doanh. Cụ thể:

a. Mua cổ phần:

- Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Tam Cường: 50 tỷ
- Công ty TNHH Lê Giang: 15 tỷ

b. Hợp tác kinh doanh:

- Công ty CP Công nghiệp khai khoáng: 40 tỷ
- Công ty CP Sản xuất & XNK Nông Lâm Thủy Sản: 17,3 tỷ
- Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng: 20 tỷ.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,39	2,05
- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,00	1,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	58,70	43,36
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	142,13	76,56
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	Vòng	1,89	1,61
- Doanh thu thuần/TTS bình quân	Vòng	0,41	0,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,08	13,74
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,01	9,76
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,03	4,70
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	0,95	13,97

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 của Công ty)

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Stt	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên HĐQT
4	Phạm Văn Tiến	Thành viên HĐQT
5	Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
II	Ban Tổng Giám đốc	
1	Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc

III	Ban kiểm soát	
1	Nguyễn Thị Doan	Trưởng BKS
2	Đinh Thị Ngọc San	Thành viên BKS
3	Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng	
1	Vũ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng Quản trị

a. Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Xuân Thanh

Họ và tên : **NGUYỄN XUÂN THANH**
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 20/11/1964
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 3 phố Chợ Gạo, Phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Số CMND : 011030372 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 05/04/2005
 Điện thoại liên hệ : 096 489 9999
 Trình độ chuyên môn: 12/12
 Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1996 - 2011	Cố vấn cấp cao	Công ty TNHH Tam Cường
Từ năm 2011 – 03/2015	Cố vấn cấp cao	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 03/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- ❖ Sở hữu cá nhân: 10.000.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

❖ Sở hữu của người có liên quan : 10.000.000 cổ phần

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Phạm Thị Thúy Hạnh	Vợ	10.000.000	19,61%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

b. Bà : Phạm Thị Thúy Hạnh – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **PHẠM THỊ THÚY HẠNH**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 01/08/1969

Nơi sinh : Hà Nội.

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 3 phố Chợ Gạo, Phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số CMND : 011375838 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp:28/12/2006

Điện thoại liên hệ : 0967099999

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1996 - 2011	Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Tam Cường
Từ năm 2011 - 2014	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 03/2015 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

❖ Sở hữu cá nhân: 10.000.000 cổ phần

- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 10.000.000 cổ phần

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Nguyễn Xuân Thanh	Chồng	10.000.000	19,61%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

c. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Văn Hiền

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 1963

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 17 phố Thanh Hà, Đồng Xuân, Hà Nội

Số CMND : 011285616 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 25/10/2004.

Điện thoại liên hệ : 0906761881

Trình độ chuyên môn : 12/12

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1996 – 2011	Trợ lý Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Tam Cường
Từ năm 2011– 3/2015	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 3/2015 – nay	Thành viên HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 2.500.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

d. Thành viên HĐQT - Ông Phạm Văn Tiến

Họ và tên : **PHẠM VĂN TIẾN**

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03/05/1954

Nơi sinh : Thái Bình.

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 15 phố Thịnh Yên, P. Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số CMND : 011233462 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 27/06/2006

Điện thoại liên hệ : 0904184358

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn

Khoáng sản Tam Cường

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1975 - 1978	Cán bộ viên	Công an Trại giam Quảng Ninh
Từ năm 1979 - 1980	Cán bộ viên	Công an Trại giam Thanh Hóa
Từ năm 1980 – 1987	Điều tra viên	Công an Quận Hai Bà Trưng
Từ năm 1987 – 1989	Cán bộ viên	Công an Trại giam Hỏa Lò
Từ năm 1989 - 2000	Điều tra viên	Công an điều tra Quận Đống Đa
Từ năm 2000 - 2006	Điều tra viên	Công an hình sự Ga Hà Nội

Từ năm 2006 - 2008	Nghi hưu	
Từ năm 2008 - 2011	Cố vấn cấp cao	Công ty TNHH Tam Cường
Từ năm 2010 - nay	Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường
Từ năm 2011 – 03/2015	Cố vấn cấp cao	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ 03/2015 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 255.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

e. Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng – Bà Vũ Thị Thu Hiền

Họ và tên : **VŨ THỊ THU HIỀN**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 20/12/1978

Nơi sinh : Nam Định.

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 28/48 Phố Thọ Lão, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số CMND : 013344561 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp:02/11/2010

Điện thoại liên hệ : 0984403388

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2000 - 2005	Kế toán	Trung tâm phát triển công nghệ cao
Từ năm 2008 - 2012	Trưởng BKS	Tổng CTCP Bảo hiểm SVIC nay đổi tên thành Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH).
Từ năm 2012 - 2013	Kế toán trưởng	Công ty Liên doanh Than cốc và Khoáng sản Việt Trung
Từ năm 2008 – tháng 10/2014	Kế toán trưởng	CTCP Bất động sản An Thịnh
Từ tháng 10/2014 – 03/2015	Kế toán trưởng	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 03/2015 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 200.000.cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

12.2. Ban Tổng Giám đốc

a. Tổng Giám đốc – Bà Phạm Thị Thúy Hạnh

(Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục b)

12.3. Ban Kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Doan

Họ và tên : NGUYỄN THỊ DOAN

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 09/03/1985

Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Hồng Minh – Phú Xuyên – Hà Nội
Số CMND : 111948734 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 11/12/2010
Điện thoại liên hệ : 0969108855
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2011 đến nay	NV kinh doanh	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 03/2015 – nay	Trưởng BKS	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 2.500.000 cổ phần

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Vũ Song Hà	Chồng	2.500.000	4.9%

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

b. Thành viên BKS – Bà Đinh Thị Ngọc San

Họ và tên : **ĐINH THỊ NGỌC SAN**
Giới tính : Nữ
Ngày sinh : 18/02/1981
Nơi sinh : Ninh Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Gia Lạc – Gia Viễn – Ninh Bình.
Số CMND : 164104930 Nơi cấp: CA Ninh Bình Ngày cấp:06/03/1999

Điện thoại liên hệ : 0979 989 296

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 2004 - 2008	NV Kinh doanh	CTCP sản xuất thương mại BSC
Từ năm 2008 - 2010	NV Kinh doanh	CTCP Sản xuất TM Phúc Tiến
Từ năm 2010 - 2012	NV Kinh doanh	CTCP Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú.
Từ năm 2013 - 03/2015	NV Kinh doanh	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
Từ tháng 03/2015 – nay	NV Kinh doanh kiêm Thành viên BKS	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

c. Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Phạm Thị Thu Hoài

Họ và tên : **PHẠM THỊ THU HOÀI**

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 04/03/1991

Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Xóm 9 Thôn Đông, Xã Thái Học, Huyện Thái Thụy, Thái Bình

Số CMND : 151821602 Nơi cấp: Thái Bình Ngày cấp: 09/04/2005

Điện thoại liên hệ : 01666785759

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 08/2014 – nay	Kế toán viên	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường
Từ tháng 03/2015 – nay	Thành viên BKS	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :

- ❖ Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần
- ❖ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- ❖ Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết : Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : không

Lợi ích liên quan với lợi ích tổ chức đăng ký niêm yết : Không

12.4. Kế toán trưởng

a. Kế toán trưởng – Bà Vũ Thị Thu Hiền

(Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục e)

13. Tài sản

13.1. Danh sách tài sản

Bảng 13. Danh sách tài sản của Công ty

Đơn vị : nghìn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2014		31/03/2015	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	75.260.333	66.072.431	316.435.333	302.542.615
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	9.927.175	9.265.363	87.955.537	86.517.657

2	Máy móc, thiết bị	61.250.286	54.168.248	62.425.286	53.768.793
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.023.066	2.638.819	4.023.066	2.479.356
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	59.806	-	59.806	-
5	Tài sản cố định khác	-	-	161.971.638	159.776.809
II	Tài sản vô hình	-	-	-	-
1	Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
	Tổng cộng	75.260.333	66.072.430	316.435.333	302.542.615

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2014, TSCĐ của công ty tăng do kết chuyển đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, gồm có các hạng mục:

- Nhà xưởng dây chuyền hỏa luyện,
- Hoàn thiện dây chuyền hỏa luyện.

Quý 1/2015, tài sản cố định của Công ty tăng do góp vốn bằng tài sản với tổng giá trị góp vốn bằng tài sản là 240 tỷ đồng, cụ thể gồm các công trình:

- Nhà xưởng nhà máy số 1 và số 2, nhà điều hành
- Đường giao thông, bãi thải, bãi chứa, hầm lò tại các mỏ Quặng Khuôn Mười, Đồng Bua, Đồng Tàn, Làng Lân, Phong Vân;
- Các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ tại mỏ Khuôn Mười, mỏ Đồng Tàn và nhà ở công nhân tại mỏ Đồng Tàn)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2017

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của *CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường* đối với các ngành kinh doanh mũi nhọn, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường của các ngành mà Công ty hiện đang kinh doanh và đầu tư, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2015 - 2017 cụ thể như sau:

Bảng 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 - 2017

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
			Giá trị	% tăng (giảm) so với 2014	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2015	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2016
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	400.000	365%	500.000	25%	600.000	20%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	70.000	493%	90.000	29%	120.000	33%
3	Vốn điều lệ	Triệu đồng	560.000	367%	560.000	0%	560.000	0%
4	Tỷ lệ LNST/DTT	%	17,5	-	18,00	-	20,00	-
5	Tỷ lệ LNST/VĐL	%	12,5	-	16,07	-	21,43	-
6	Tỷ lệ cổ tức	%	10	-	15	-	20	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015 – 2017 nêu trên đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường thông qua ngày 02/03/2015.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu – lợi nhuận giai đoạn 2015 -2017 có sự tăng trưởng đột biến so với các năm trước đây là do cuối 2014, đầu năm 2015 Công ty tiến hành tăng vốn góp từ 120 tỷ đồng lên 510 tỷ đồng (dự kiến tăng đủ vốn điều lệ 560 tỷ đồng trong năm 2015), trong đó có 240 tỷ tài sản là các dây chuyền tuyển luyện, công trình nhà máy, và các hạng mục đường giao thông, bãi chứa, hầm lò và các hạng mục phụ trợ khác, làm tăng đáng kể công suất khai thác mỏ cũng như công suất vận hành tinh chế quặng đồng của Công ty.

Quý I/2015, doanh thu thuần đạt 37,36 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3,89 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng tốt hơn so với cùng kỳ năm 2014, tuy nhiên so với kế hoạch cả năm 2015, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của quý chỉ đạt tương ứng 9,34% và

5,56% do bị tác động bởi thời gian nghỉ làm việc của kỳ nghỉ Tết.

Tính đến hết tháng 6/2015, tổng giá trị các hợp đồng lớn Công ty đã ký kết đạt 201,86 tỷ đồng, 50% doanh thu kế hoạch 2015 (được trình bày tại Bảng 6, Mục 6.10). tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015 dự kiến đạt khoảng 120 tỷ với lợi nhuận ước đạt 20 tỷ.

Quý III/2015, Công ty sẽ đưa vào vận hành tiếp 2 hệ thống dây chuyền tuyển luyện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu khoáng sản theo các đơn hàng sẽ ký trong 2 quý còn lại của năm 2015.

Với quy mô và năng lực sản xuất kinh doanh hiện nay, Công ty tin tưởng rằng trong năm 2015 công ty sẽ hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua, tạo tiền đề đẩy mạnh sản xuất và phát triển kinh doanh mạnh mẽ hơn nữa trong các năm tiếp theo.

- **Năm 2016**

- Đầu tư thêm dây chuyền máy móc, thiết bị khai thác hiện đại tại các mỏ đang hoạt động, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa tiến độ, thủ tục xin cấp phép khai thác đầu tư các mỏ quặng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cũng như các tỉnh lân cận;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, hướng tới thị trường xuất khẩu;
- Nâng cao năng lực quản lý, thi công tại các công trường, nâng cao năng suất, tiến độ, chất lượng, giảm chi phí, tăng lợi nhuận;

- **Năm 2017:**

- Với uy tín ngày càng được nâng cao trong ngành khoáng sản, đây là điều kiện thuận lợi để công ty xin cấp phép các điểm mỏ quặng mới với trữ lượng tài nguyên dồi dào nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng cao của Công ty.
- Trang bị thêm dây chuyền máy móc hiện đại phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tăng công suất hoạt động tại các điểm mỏ mà công ty đang khai thác.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng tới xuất khẩu sang các thị trường mới...

Chiến lược của Công ty trong những năm tới

• **Công tác Tổ chức Nhân sự:**

- Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:
 - + **Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
 - + **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

• **Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh:**

- Hội đồng quản trị thống nhất cao về mục tiêu cũng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; đảm bảo cổ tức của cổ đông hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành, điều chỉnh các nghị quyết và chỉ đạo Ban quản lý Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, thể hiện qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính đều đạt được và vượt mức đề ra so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung dài hạn trước khi xây dựng và tổ chức thực hiện đều được HĐQT và

Ban quản lý tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể, người lao động và các cổ đông, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

• **Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Tiến hành khoan thăm dò, đánh giá trữ lượng các điểm mỏ quặng mới của Công ty để tập trung khai thác có hiệu quả;
- Đẩy nhanh hoạt động chi đền bù, giải phóng mặt bằng để mở rộng diện tích khai thác;
- Đầu tư thêm dây chuyền, máy móc tại các mỏ để đẩy nhanh quá trình khai thác;
- Xây dựng nhà văn phòng điều hành, nhà kho, trạm cân và đầu tư trang thiết bị văn phòng hiện đại để phục vụ cho quá trình điều hành, quản lý một cách hiệu quả.

• **Công tác Tài chính:**

- Xây dựng kế hoạch tài chính là nền móng quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn lập ra các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung và dài hạn một cách cụ thể để từng bước thực hiện một cách có hiệu quả nhất tránh để hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn;

• **Các hoạt động khác:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước;
- Nghiên cứu và tìm hiểu sâu về luật khoáng sản, nhằm tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của Nhà nước;
- Nắm bắt kịp thời, dự báo trước những thay đổi về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường để chủ động đánh giá, kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động;
- Xây dựng đồng bộ hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty;
- Tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa Quy chế Tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường cùng với việc phân tích tình hình nền kinh tế Việt Nam hiện tại, phân tích các ngành hoạt động của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm qua, năng lực của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, dự báo tình hình kinh tế và ngành trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường dự kiến cho giai đoạn 2015 - 2017 là có thể đạt được nếu Công ty không chịu ảnh hưởng của những sự kiện bất khả kháng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.

Không có.

PHẦN V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông**
- 2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu**
- 3. Mã chứng khoán: ACM**
- 4. Tổng số chứng khoán niêm yết : 51.000.000 cổ phiếu**
- 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là **22.795.000** cổ phiếu chiếm 44,7% vốn điều lệ.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	5.000.000
2	Phạm Thị Thúy Hạnh	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	10.000.000	5.000.000
3	Nguyễn Văn Hiền	Ủy viên HĐQT	2.500.000	1.250.000
4	Phạm Văn Tiến	Ủy viên HĐQT	255.000	127.500
5	Vũ Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	200.000	100.000
6	Nguyễn Thị Doan	Trưởng BKS	10.000	5.000
7	Đinh Thị Ngọc San	Thành viên BKS	5.000	2.500

8	Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	5.000	2.500
Tổng			22.795.000	11.397.500

(Nguồn : Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường)

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty.

Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2014, BCTC quý 1 năm 2015, giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường vào thời điểm 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/3/2015 được tính như sau:

$$\text{Giá trị 1 Cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	115.330.207.593	127.166.734.696	521.052.441.331
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (2)	Cổ phiếu	12.000.000	12.000.000	51.000.000
Giá trị 1 Cổ phần (3) = (1) / (2)	Đồng/ cổ phiếu	9.611	10.597	10.217

6.2. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$\text{P} = \text{BVS} * \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6.3. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ACM sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 26/06/2015, Thủ tướng chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, theo đó có quy định thay đổi về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam theo hướng cởi mở hơn, nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2015.

Tại thời điểm ngày 08/05/2015, theo danh sách chốt cổ đông lưu ký, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

8. Các loại thuế có liên quan

Từ 01/01/2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, theo công văn số 404/CCT-TTHT của chi cục thuế Huyện Sơn Động – Cục thuế Tỉnh Bắc Giang về việc trả lời chính sách ưu đãi thuế, căn cứ vào tiểu mục 4, Mục I; tiểu mục 2, mục II, Phần E; tiết c, tiểu mục 2, mục IV Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/07/2007 “*c, miễn 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”. Do Công ty hoạt động tại địa bàn huyện Sơn Động và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Công ty xác định được miễn giảm thuế TNDN trong năm 2014 và năm 2015. Trong ba năm tiếp theo là năm 2016, năm 2017 và năm 2018 Công ty sẽ được giảm 50% thuế TNDN.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế tài nguyên, thuế môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môn bài, ...

PHẦN VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

I. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Địa chỉ : Tầng 4, số 168 Đường Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại : (04) 3577 0781 Fax: (04) 3577 0787

Email : vacohn@vaco.com.vn

Website : www.vaco.com.vn

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ : Tầng 3, TT Hội nghị công đoàn, số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 38181 888 Fax: 04 38181 888

Website : <https://www.shs.com.vn>

PHẦN VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, BCTC quý I năm 2015.

Bắc Giang, ngày 07 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Xuân Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Thúy Hạnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Thu Hiền

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Doan

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Tiến

